TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 02/2017/KDTM-ST
Ngày 27/9/2017
V/v *Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Ông Nguyễn Duy Thuấn

Các hội thẩm nhân dân:

1/.Ông (Bà): Nguyễn Đình Nghịch

2/. Ông (Bà): Nguyễn Ngọc Huỳnh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Hằng, C/v Cán bộ Toà án nhân dân huyện Krông Pắc .

- Đại diện VKSND huyện Krông Pắc tham gia phiên toà.

Bà Phạm Thị Thủy c/v Kiểm sát viên

Ngày 27/9/2017 tại trụ sở TAND huyện Krông Pắc mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2017/TLST-DS ngày 08/11/2016 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXX ngày 24/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-KDTM ngày 11/9/2017.

Về việc: "Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 00A, Trần Hữu D, quận T, Hà Nội.

Đại diện: Ông Trịnh Ngọc Kh, C/v: Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đình T – Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Đình C – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N, huyện K.

Địa chỉ liên hệ: Chi nhánh Ngân hàng N, huyên K. Tại thôn H, xã TT, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. (Có mặt)

***2.* Bị đơn:** Bà Trịnh Thị L (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã TT, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Trần Đình C trình bày:

Ngày 02/10/2013, bà Trịnh Thị L có vay tại Ngân hàng N, huyện Krông Pắc Theo hợp đồng tín dụng số 5203 LAV 201302855 số tiền: 80.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng chẵn); hạn trả cuối cùng là ngày 01/10/2014; lãi suất vay: 13%/năm, thời hạn 12 tháng. Mục đich sử dụng vốn: Kinh doanh nước giải khát.

Khoản vay nói trên được bảo đảm bởi:

Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số: 240583950/HĐTC2013 ngày 02/10/2013, ký giữa bên thế chấp bà Trịnh Thị L với bên nhận thế chấp ngân hàng N để thế chấp tài sản là: 01 Giấy chứng nhận hộ đăng ký kinh doanh; 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số: BL 101628 do UBND huyện K cấp ngày 09/08/2012, thửa đất số 323, tờ bản đồ số: 04; diện tích QSDĐ 105m^2; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 100 m^2 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 70m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã TT, huyện K.

Thực hiện hợp đồng: Ngày 02/10/2013, Ngân hàng N, huyện K – đã giải ngân số tiền: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Kể từ ngày vay bà Trịnh Thị L mới trả tiền lãi là 2.628.889đ (tiền lãi trả đến ngày 31/12/2013). Theo thảo thuận đã cam kết tại HĐTD số 5203 LAV 201302855 phải trả nợ gốc và lãi cuối cùng vào ngày 01/10/2014.

Hiện khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày 02/10/2014 và đang được phân loại vào nợ xấu, mặc dù nhiều lần Ngân hàng đến đôn đốc, nhắc nhở liên tục bằng công văn, bằng miệng và bàn phương án khắc phục nhưng bà Trịnh Thị L vay vẫn chây ỳ bất hợp tác không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng tín dụng đã được ký kết với ngân hàng.

Ngày 18/10/2016 Ngân hàng N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, Đăk Lăk xem xét, giải quyết buộc bà Trịnh Thị L phải trả hết nợ vay cho Ngân hàng N với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2016 là: 110.756.000đồng *(Một trăm*

mười triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn đồng) trong đó, nợ gốc là 80.000.000đồng; Nợ lãi là: 30.756.000đ (tạm tính đến ngày 30/09/2016). Tiếp tục phải trả khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 01/10/2016 đến ngày thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ gốc và lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp bà Trịnh Thị L vẫn không trả được nợ gốc và lãi, đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 240583950/HĐTC2013 ngày 02/10/2013 cụ thể: 01 Giấy chứng nhận hộ đăng ký kinh doanh; 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số: BL 101628 do UBND huyện K cấp ngày 09/08/2012, thửa đất số 323, tờ bản đồ số: 04; diện tích QSDĐ 105m^2; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 100 m^2 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 70m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã TT, huyện K theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn bà Trịnh Thị L, Ngân hàng N đã có biên bản làm việc V/v xử lý nợ quá hạn ngày 10/10/2016, Tòa án đã thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bà Trịnh Thị L vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 220 của BLTTDS. Toà án nhân dân huyện Krông Pắc đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa đã phát biểu về sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tối tụng, người tiến hành tố tụng và đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng N để buộc bà Trịnh Thị L phải trả cho Ngân hàng N 80.000.000đ tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh. Trường hợp bà Trịnh Thị L không trả được số nợ trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 240583950/HĐTC2013 ngày 02/10/2013 thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1]Xét về hình thức: Đơn khởi kiện của Ngân hàng N đề ngày 18/10/2016, TAND huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng

được quy định tại khoản 1 Điều 30 của BLTTDS và Điều 471 của BLDS. Áp dụng theo điểm b khoản 1 Điều 35 của BLTTDS thì TAND huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]Xét nội dung khởi kiện: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng N yêu cầu bà Trịnh Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay gốc là 80.000.000đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng là hoàn toàn có cơ sở pháp lý vì: Thực tế vào ngày 02/10/2013 Trịnh Thị L có xác lập hợp đồng vay với Ngân hàng số tiền 80.000.000đ. Hai bên thỏa thuận với nhau với mức lãi suất trong hạn là: 13%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng (từ 02/10/2013 đến 01/10/2014), phương thức ngắn hạn, mục đích sử dụng vốn - Kinh doanh nước giải khát. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nói trên của bà Trịnh Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của BLDS 2005.

Theo khoản 1 Điều 474 của BLDS quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác".

Căn cứ Điều 471, khoản 1 Điều 474 của BLDS, HĐXX buộc bà Trịnh Thị L phải trả số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng cho của Ngân hàng N với số tiền là 80.000.000đ (*Tám mươi trăm triệu đồng chẵn)* là hoàn toàn thoả đáng.

[3]Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Tại phiên toà ngày hôm nay đại diện cho nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo hợp đồng thoả thuận Lãi suất trong hạn là: 13%/năm, Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn là phù hợp, không vi phạm khoản 1 Điều 476 của BLDS nên HĐXX nghĩ cần chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với qui định của pháp luật.

Lãi suất được tính như sau:

Lãi suất trong hạn:

Từ ngày 02/10/2013 đến ngày 01/10/2014 là: 80.000.000đ x 13%/năm = 10.400.000

Lãi suất quá hạn: 34,447.780đ

Đã trả 2.628.889đ

Còn lại 42.218.891đ tiền lãi suất

Như vậy cần buộc bà Trịnh Thị L phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi suất suất là: 122.218.891đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu hai trăm mười tám nghìn, tám trăm chín mươi mốt đồng*).

[4]Đối với tài sản thế chấp: Bị đơn trong quá trình vay có thế chấp cho nguyên đơn 01 Giấy chứng nhận hộ đăng ký kinh doanh; 01 GCNQSDĐ số BL 101628 được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp ngày 09/8/2012 nên cần áp dụng khoản 2 Điều 719 của BLDS để buộc Ngân hàng N- Chi nhánh K có trách nhiệm trả lại 01 Giấy chứng nhận hộ đăng ký kinh doanh; GCNQSDĐ nói trên cho bà Trịnh Thị L khi bên thế chấp bà Trịnh Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp Trịnh Thị L không trả được số nợ trên thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 240583950/HĐTC2013 ngày 02/10/2013.

[5]Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS.

Áp dụng Điều 474, Điều 474 , khoản 1 Điều 476 của BLDS 2005; Điều 688 BLDS năm 2015.

Tuyên xử :

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc Trịnh Thị L phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền: 122.218.891đồng *(Một trăm hai mươi hai triệu hai trăm mười tám nghìn, tám trăm chín mươi mốt đồng).* Trong đó tiền vay nợ gốc: 80.000.000đ và tiền lãi phát sinh: 42.218.891đồng

2. Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại 01 Giấy chứng nhận hộ đăng ký kinh doanh; 01 GCNQSDĐ số BL 101628 được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp ngày 09/8/2012 cho Trịnh Thị L khi bên thế chấp là Trịnh Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Trường hợp Trịnh Thị L không trả được số nợ trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 240583950/HĐTC2013 ngày 02/10/2013.

4.Về án phí: áp dụng điều 131 BLTTDS, Pháp lệnh quy định về án phí lệ phí toà án buộc bà Trịnh Thị L phải nộp 6.110.000 đồng *(Sáu triệu, một trăm mười nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Theo mức: 122.218.891đ x 5% = 6.110.000đồng.

5. Tuyên trả lại cho Ngân hàng N số tiền 2.768.000đồng tiền tạm ứng án phí DSST mà Ông Nguyễn Hoàng A đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Păk, Đắk Lắk theo biên lai số: AA2014/0040272, ngày 04/11/2016. Hoàn trả cho Ngân hàng N 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* tiền tạm ứng chi phí đăng tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo phiếu thu ngày 02/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Krông Păc.

6. Bà Trịnh Thị L phải trả cho Ngân hàng NNo&PTNT 3.000.000đ tiền đăng tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.

"*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".*

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đăk Lăk;
-VKSND tỉnh Đăk Lăk;
-VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Thuấn